

Bản án số: 73/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 26-7-2023
Về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Cẩm Hà

Ông Nguyễn Văn Cho

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K tham gia phiên tòa:
Bà Lai Thị Ngọc Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến tại 02 điểm cầu gồm điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A và điểm cầu thành phần nơi nguyên đơn cư trú tại số 718C N, phường A, thành phố R, K đối với vụ án thụ lý số: 58/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kim X, sinh năm 1999. Địa chỉ: Tổ 1, ấp H, xã N, huyện K1, tỉnh K. Địa chỉ liên lạc: Số 718C N, phường A, thành phố R, K. Có mặt tại điểm cầu thành phần;

2. Bị đơn: Anh Ngô Tuấn E, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp R, xã Đ, huyện A, tỉnh K. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 20-02-2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Võ Thị Kim X trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị X và anh Tuấn E quen biết nhau rồi đi đến hôn nhân; anh chị đăng ký kết hôn và được UBND xã N, huyện K1i, tỉnh K cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23 vào ngày 08/11/2017. Anh chị sống chung có 01 con chung là Ngô Tuấn T, sinh ngày 21/8/2016 (hiện đang sống với chị X).

Quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Anh, chị đã ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay.

Nay chị X khởi kiện xin ly hôn với anh Tuấn E; về con chung chị X xin nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu.

** Bị đơn anh Ngô Tuấn E đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.*

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn vắng mặt nên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định, việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử cho chị X được ly hôn anh Tuấn E; về con: giao chị X nuôi con chung, anh Tuấn E không cấp dưỡng nuôi con do chị X không yêu cầu; tài sản, nợ không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Giấy xác nhận ngày 23-02-2023 của Công an xã Đ cho thấy anh Tuấn E có nơi cư trú là ở ấp R, xã Đ, huyện A nên Tòa án nhân dân huyện A thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Tuấn E đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Tuấn E vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Tuấn E.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị X và anh Tuấn E chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã N, huyện K1 cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 08/11/2017 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị X và anh Tuấn E sống chung một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, không chung sống nữa. Khi Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của chị X, anh Tuấn E không có ý kiến hay động tác gì để hàn gắn mà bỏ mặc; khi Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì anh Tuấn E vắng mặt không tham dự. Việc anh Tuấn E không có ý kiến khi nguyên đơn xin ly hôn, không tham dự phiên hòa giải, phiên tòa vừa vi phạm nghĩa vụ bị đơn vừa đánh mất cơ hội hòa giải đoàn tụ tại Tòa án. Từ đó cho thấy giữa anh chị mục đích hôn nhân đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị X được ly hôn với anh Tuấn E.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Ngô Tuấn T, sinh ngày 21/8/2016, hiện đang sống chung với chị X. Thấy rằng thời gian qua cháu T được chăm sóc tốt; anh Tuấn E không có yêu cầu gì về việc nuôi con sau ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu T cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Do chị X không yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị X không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Kim X và anh Ngô Tuấn E.

2. Về con chung: Giao con chưa thành niên tên Ngô Tuấn T, sinh ngày 21/8/2016, (hiện đang sống chung với chị X) cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn; chị X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị X chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0001140 ngày 06-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, chị X đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị X có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Tuấn E vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND x.Nh. K1, t.K;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

